

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ TRUNG HOA VÀ VIỆT NAM Ở NAM KỲ ĐẦU THẾ KỶ XX

Phan Mạnh Hùng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: *Phiên dịch Quốc ngữ đã đóng một vai trò kiến tạo to lớn trong quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam cũng như các nước khác ở châu Á đầu thế kỷ XX. Ở Nam kỳ phong trào phiên dịch tiểu thuyết truyền thống Trung Hoa diễn ra sôi nổi. Phong trào dịch thuật ấy đã có ảnh hưởng đối với khuynh hướng sáng tác tiểu thuyết lịch sử, một trong những khuynh hướng nổi bật của văn chương Nam Kỳ đầu thế kỷ XX. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu cơ chế chuyển đổi, giao lưu và tương tác, sự ảnh hưởng của hoạt động phiên dịch tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa và sáng tác tiểu thuyết lịch sử Việt Nam trong đời sống văn hóa lịch sử Nam Kỳ đầu thế kỷ XX.*

Từ khóa: *tiểu thuyết lịch sử, phiên dịch học lịch sử - văn hóa, hiện đại hóa*

Giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX diễn ra quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam. Quá trình này diễn ra sớm ở Nam Kỳ.

Tiểu thuyết là thể loại ra đời tương đối muộn nhưng đã chứng tỏ được sức sống mạnh mẽ trong quá trình sinh thành và phát triển. Văn học Nam Kỳ trong giai đoạn đầu của quá trình hiện đại hóa đã lựa chọn tiểu thuyết (thể loại tự sự nằm ở vị trí vùng biên trong thời kỳ trung đại) làm thể loại chính, thể loại trung tâm của đời sống văn học, dù nó không thật sự có bề dày và thành tựu trong lịch sử văn học dân tộc. Sự lựa chọn ấy chắc chắn có điểm tựa từ truyền thống tự sự Nôm của khu vực văn chương Công giáo [1] và sự tác động của những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội đã hội đủ cho quá trình hiện đại hóa văn học xuất hiện khá sớm ở đây : sự phát triển thành thực của chữ Quốc ngữ, báo chí và xuất bản, đời sống đô thị phát triển và mô hình giáo dục theo lối Tây phương

góp phần du nhập mô hình văn chương mới và hình thành tầng lớp công chúng mới, viết văn trở thành một nghề trong xã hội, quan niệm mới về văn chương, hệ thống thể loại mới của văn học hiện đại được du nhập (Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, kịch, phóng sự, dịch thuật, nghiên cứu, phê bình văn học...). Góp phần tác động mạnh và đẩy nhanh xu hướng ưu tiên thể loại từ thơ ca, phú, lục, truyện thơ Nôm (vốn là những thể loại truyền thống và là thể mạnh của nền văn học trung đại Việt Nam) sang tiểu thuyết văn xuôi Quốc ngữ La tinh có vai trò lớn của dịch thuật.

Phiên dịch Quốc ngữ đã đóng một vai trò kiến tạo to lớn trong quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX. Các nhà nghiên cứu nhìn chung đều thống nhất quan điểm cho rằng chính phiên dịch Quốc ngữ là cầu nối giữa văn học truyền thống và văn học hiện đại. Phiên dịch đóng vai trò giúp nhà văn học tập di

sản văn học quá khứ (phiên âm tác phẩm Hán Nôm Việt Nam), tiếp thu tiếp biến hệ thống thể loại (dịch thể loại) [2] và quan niệm văn chương từ văn học nước ngoài, thúc đẩy nhà văn sáng tác, giúp người đọc làm quen với hệ hình văn chương mới.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX diễn ra quá trình hiện đại hóa văn học không chỉ nền văn học Việt Nam mà của nhiều nền văn học khác. Riêng các quốc gia trong khu vực Đông Á, do điều kiện lịch sử, văn hóa tương đối giống nhau nên quá trình này diễn ra gần như đồng thời và có những đặc trưng phổ quát bên cạnh những đặc thù riêng. Đặc trưng dễ nhận thấy là thời trung đại, các quốc gia Đông Á đều chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa, tư tưởng, học thuật và văn học Trung Hoa. Đến thời kỳ cận hiện đại, trước làn sóng văn minh, văn hóa phương Tây (có khi chủ động, có lúc bị áp đặt lệ thuộc), các quốc gia đã tự tìm cho mình những con đường riêng để đổi mới trên nhiều phương diện, trong đó có văn học nghệ thuật. Quá trình đổi mới văn học theo xu thế chung là học tập phương Tây trên cơ sở nền văn học truyền thống của mỗi quốc gia. Các nhà nghiên cứu văn học sử gọi là quá trình hiện đại hóa văn học.

Vấn đề sự ảnh hưởng của tiểu thuyết truyền thống Trung Hoa đối với các nền văn học ở châu Á đã được các nhà nghiên cứu tổng kết trong công trình *Literary Migrations : Traditional Chinese Fiction in Asia: 17-20 th centuries* [3] do học giả Claudine Salmon biên soạn. Đây là kết quả học thuật quan trọng của chuyên ngành phiên dịch học lịch sử văn hóa

và văn học so sánh, công bố những khảo sát đối chiếu thú vị về thể loại tiểu thuyết truyền thống (có tác giả gọi là tiểu thuyết thông tục) của Trung Hoa với các nền văn học ở Châu Á như Triều Tiên, Nhật Bản, Mông Cổ, Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Indonesia, Malaysia.

Một trong những tác phẩm được các nền văn học chịu ảnh hưởng nhiều nhất là *Tam quốc chí*. Trong quá trình hiện đại hóa văn học ở các nước ở Châu Á, phiên dịch thường đóng một vai trò quan trọng. Sự đổi mới văn học của các quốc gia Châu Á thông thường đi theo trình tự từ dịch thuật qua cải biên phóng tác rồi đến sáng tác thực thụ. Riêng đối với các nước khu vực văn hóa chữ Hán Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên tình hình dịch tiểu thuyết Trung Hoa diễn ra tương đối muộn. Chỉ khi có sự thay đổi hệ hình chữ viết thì nhu cầu phiên dịch mới trở nên bức thiết. Các quốc gia không sử dụng chữ Hán thì quá trình tiếp nhận thông qua hoạt động phiên dịch diễn ra khá sớm chẳng hạn như Thái Lan, Mông Cổ, Malaysia.

1. Từ làn sóng phiên dịch và xuất bản tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa...

Trước khi có các bản dịch chữ Quốc ngữ La tinh, các nhà văn Việt Nam đã tiếp thu tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa để viết các tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Nam triều công nghiệp diển chí*. Đầu thế kỷ XX, phong trào phiên dịch tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa diễn ra rầm rộ và có ảnh hưởng đến sáng tác.

Khi bàn đến hoàn cảnh có thể đưa vai trò của hoạt động dịch thuật trong một nền văn hóa lên một vị trí cao, Evan-Zohar cho rằng: “Một là nền văn học đang ở vào buổi sơ kỳ; hai là khi

văn học nhận ra vị trí ngoại vi (hay yếu kém) của nó; ba là khi có những bước ngoặt hay khủng hoảng trong văn giới” [4]. Đời sống văn hóa, văn học Nam Kỳ đầu thế kỷ XX cũng hội đủ gần như trọn vẹn các yếu tố này.

Nam Kỳ là vùng đất mới, nền văn học nơi đây là một nền văn học trẻ, đang trong quá trình kiến tạo. Các điều kiện cho công việc tái cấu trúc nền văn học theo mô hình hiện đại xuất hiện khá sớm ở đây. Sự có mặt của người Pháp, đầu tiên là quân đội rồi tiếp đến là văn hóa của họ làm cho Nam Kỳ sớm tiếp xúc với văn hóa phương Tây trên một phạm vi và cấp độ rộng, sâu sắc. Trong đời sống xã hội bắt đầu diễn ra sự va chạm giữa những giá trị văn hóa truyền thống người Việt và văn hóa Pháp (tương đối tiêu biểu cho đặc tính văn hóa Tây phương). Một trong những rào cản văn hóa lớn ngăn cách người Pháp và văn hóa Việt chính là ngôn ngữ văn tự. Chữ Quốc ngữ La tinh đã được lựa chọn nhằm xóa bỏ sự ngăn cách này. Vì thế, từ địa vị là ngôn ngữ được sử dụng hạn hẹp trong việc chép sách đạo nơi nhà thờ giáo hội Thiên Chúa, chữ Quốc ngữ đã bước vào đời sống thông tục thông qua những chính sách, chương trình có lợi cho người Pháp [5]. Từ đời sống thông tục chữ Quốc ngữ bước vào địa hạt văn chương và học thuật thông qua các trí thức xuất thân từ trường học Pháp - Việt. Trong sự phát triển của đô thị theo kiểu tư bản ở Nam Kỳ, sự xuất hiện của tờ công báo *Gia Định báo* rồi hàng loạt các tờ báo khác xuất hiện (báo chí Nam Kỳ đầu thế kỷ XX thường có mục dành cho văn chương sáng tác và văn chương dịch thuật) cùng với sự ra đời của nhà in và sự phát

triển của ngành xuất bản làm cho đời sống văn hóa đọc có nhiều thay đổi. Hệ thống trường học Pháp - Việt ra đời sớm. Kiến thức được giảng dạy chủ yếu qua tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ La tinh đã góp phần tạo ra nhiều thế hệ người học tiếp xúc với văn minh Tây phương, do đó hình thành một lớp người có thị hiếu thẩm mỹ mới. Họ sẽ là những người cầm bút, độc giả của nền văn học đang trên đà hiện đại hóa. Nền văn học trẻ đang trong quá trình kiến tạo chưa thật sự hoàn bị, sáng tác chưa đồng đều, người cầm bút chắc chắn chưa đông đảo và chưa có nhiều kinh nghiệm trong sáng tác để đáp ứng nhu cầu của lớp người đọc mới. Điều đó sẽ tạo nên khoảng trống văn học đầu thế kỷ XX. Phiên dịch là một cách quan trọng trong nhiều phương thức để lấp khoảng trống đó.

Phiên dịch tiểu thuyết lịch sử được thực hiện trong phong trào dịch tiểu thuyết thông tục của Trung Hoa mà các nhà nghiên cứu thường gọi là tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc hay truyện Tàu. Về thư mục các tác phẩm loại này được dịch và xuất bản tại Nam Kỳ đã được các nhà nghiên cứu công bố trong thời gian vừa qua [6]. Tác phẩm dịch sớm nhất ở Nam Kỳ được ghi nhận là *Tam Quốc chí* với tên gọi *Tam Quốc chí tục dịch* đăng trên báo *Nông cổ mín đàm* ngay từ số đầu 1-8-1901, đến số 8 ngày 19-9-1901 bắt đầu in kèm tên dịch giả là Canavaggio [7]. Làn sóng phiên dịch bắt đầu diễn ra mạnh mẽ vào thập niên đầu tiên của thế kỷ XX, sau khi xuất hiện *Tam Quốc chí tục dịch*. Các danh tác tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa hầu như đã được dịch trong những năm đầu của phong trào: *Truyện Nhạc Phi* (1905),

Thủy Hử diễn nghĩa (1906), *Phong Thần diễn nghĩa* (1906), *Đông Châu liệt quốc* (1906), *Phân Đường diễn nghĩa* (1906), *Tiết Đinh San chinh Tây* (1907), *Phong Thần diễn nghĩa* (1907), *Tam Quốc diễn nghĩa* (1907), *Ngũ hổ bình Nam* (1907), *Càn Long hạ Giang Nam* (1908), *Chung Vô Diệm* (1909), *Tây Hớn diễn nghĩa* (1908), *Thuyết Đường diễn nghĩa* (1908), *Tiết Nhơn Quý chinh Đông* (1910),... bước sang thập niên hai mươi và ba mươi của thế kỷ XX, các danh tác đều được tái bản nhiều lần hoặc được dịch lại bên cạnh nhiều tác phẩm mới ít nổi tiếng. Theo các bảng thư mục thì *Tam Quốc diễn nghĩa* có 3 bản dịch của Nguyễn Liêng Phong và Nguyễn An Cư (1907), Nguyễn An Cư (1912), Nguyễn Liêng Phong (1927), *Đông Châu liệt quốc* có bốn bản dịch của Nguyễn Chánh Sắt (1906), Nguyễn Công Kiều (1919), Trần Đình Nghị (1928), Đào Trinh Nhất (1929),... Trong phong trào dịch tiểu thuyết Trung Hoa ở Nam Kỳ rất ít thấy những cuốn tiểu thuyết tình cảm kiểu như *Tuyệt Hồng lệ sử*, *Hồng Lâu Mộng*.

Vậy tại sao lại có nhiều dịch giả Nam Kỳ chọn tiểu thuyết Trung Hoa? Tại sao dịch giả Nam Kỳ lại không chú trọng dịch các tiểu thuyết “ngôn tình nhu cảm” mà chỉ chú trọng đến loại truyền thống nghĩa hiệp. Có lẽ cần xuất phát từ vấn đề thuộc về độc giả và dịch giả của bộ phận văn học này. Độc giả Nam Kỳ phần đông là người bình dân ít học nhưng ham hiểu biết. Sự ham hiểu biết, thích khám phá, tính cách trọng đạo nghĩa chắc chắn là có căn nguyên trong tâm thức của nhiều lưu dân mở đất buổi đầu. Chính điều kiện tự nhiên, đặc tính địa

văn hóa đã hình thành nên thói quen sáng tác và thưởng thức văn nghệ về căn bản là nói và trình diễn [8] chứ không phải viết, như nhận xét của nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân. Tác phẩm thể hiện rõ đặc tính này là truyện thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu. *Lục Vân Tiên* sẽ lấp lánh và độc đáo khi được thể hiện qua điệu nói, hình thành nên cả một thể loại là *Nói thơ Vân Tiên* trong đời sống văn hóa Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trở lại với tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa, là những tác phẩm được sáng tác dưới thời Minh Thanh, phần lớn có nguồn gốc từ văn học dân gian, là những truyện kể dạng thoại bản, về sau các tác giả bác học mới chỉnh lý cốt truyện và sáng tạo thành các văn phẩm nghệ thuật. Tiểu thuyết lịch sử thường đề cao trung, hiếu, tiết, nghĩa, thể thiên hành đạo, khử bạo trừ gian, trung thần thắng nịnh. Từ trong bản chất, tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa rất hợp với môi trường diễn xướng, điều này không đi ngược lại với sở thích và thẩm mỹ của phần đông độc giả Nam Kỳ. Cần chú ý rằng, trước khi có phong trào dịch tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa, các nhân vật trong các bộ tiểu thuyết trữ danh như *Tam Quốc diễn nghĩa*, *Thủy Hử*, *Tiết Nhơn Quý* đã được tiếp nhận trong hình thức của tượng tích sân khấu [9], trong thơ bác học trước đó ở Nam Kỳ (các bài thơ *Từ Thứ quy Tào*, *Tôn phu nhân quy Hán* của Tôn Thọ Tường...). Nay qua chữ Quốc ngữ La tinh, nhiều bộ tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa lại được thưởng thức lại trong một tinh thần mới, hoàn cảnh lịch sử văn hóa mới. Những người trẻ tuổi biết chữ Quốc ngữ và còn chịu ảnh hưởng của Hán học thưởng thức và

thường đọc lại cho người lớn tuổi nghe, cứ thế mà tạo ra một phong trào rộng lớn trong văn hóa đọc xứ Nam Kỳ.

Đọc giả số đông là vậy, còn dịch giả thì sao. Chắc chắn một điều là trong xu thế văn chương gắn chặt với thị trường, dịch giả bị người đọc chi phối trong cách chọn lựa tác phẩm và văn phong thể hiện. Do vậy, để dịch sách người dịch phải hội đủ được các điều kiện tiên quyết là tinh thông Hán văn, giỏi Việt ngữ và nắm bắt nhanh nhạy thị hiếu người đọc. Dịch giả Nam Kỳ thường là trí thức nho học cầm bút viết văn, ký giả, những người làm công việc liên quan đến văn hóa. Chẳng hạn Nguyễn Chánh Sắt tự Tân Châu (1869-1947) lúc nhỏ học chữ Hán với Tú tài Trần Văn Thường sau đó học tiểu học Pháp Việt ở Châu Đốc, làm báo, viết văn, dịch tiểu thuyết Trung Hoa; Lương Khắc Ninh tự Dũ Thúc (1862-1943), thuở nhỏ học chữ Hán, năm 14 tuổi học trường Pháp - Việt; Trần Phong Sắc tự Đặng Huy là giáo viên dạy chữ Hán và Quốc ngữ ở trường tỉnh lý Tân An; Nguyễn An Khương tự Tân An là danh y, tinh thông nho học; Nguyễn An Cư, chí sĩ, dịch giả tinh thông Hán văn và Quốc ngữ... và rất nhiều dịch giả khác chúng ta chưa có điều kiện khảo sát hành trạng của họ.

Hơn một trăm năm, giờ đây lật lại những trang sách dịch từng một thời làm nức lòng độc giả Nam Kỳ, chúng ta không khỏi ngạc nhiên về những kỳ tích : số lượng tác phẩm dịch đồ sộ, số lượng ấn bản lớn, tái bản nhiều lần, cùng một tác phẩm nhưng xuất hiện nhiều bản dịch khác nhau, tạo được những ảnh hưởng to lớn trong đời sống xã hội và đặc biệt là gây nên

phong trào sáng tác tiểu thuyết lịch sử Việt Nam. Tìm hiểu quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam không thể không đề cập đến phong trào phiên dịch tiểu thuyết Trung Hoa. Nó không chỉ là đối tượng của chuyên ngành phiên dịch học lịch sử văn hóa và văn học so sánh mà còn là đối tượng của văn học sử. Còn có nhiều vấn đề đặt ra cho chúng ta chẳng hạn như vấn đề văn bản nguồn (tác giả, xuất xứ, năm in), vấn đề đối chiếu giữa bản nguồn và văn bản dịch, đối chiếu các bản dịch quốc ngữ của cùng một tác phẩm, tìm hiểu quan niệm phiên dịch, cơ chế chuyển dịch thể loại, chưa nói đến việc cần thiết phải tìm hiểu kỹ bằng con đường nào nguyên tác du nhập vào Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung.

2. ... Đến phong trào sáng tác tiểu thuyết lịch sử ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX

Phong trào phiên dịch và xuất bản tiểu thuyết Trung Hoa trở nên ồ ạt vào thập niên thứ hai của thế kỷ XX đã làm cho các nhà văn Nam Kỳ phản ứng lại bằng cách sáng tác các cuốn tiểu thuyết lịch sử Việt Nam. Tiểu thuyết dịch Trung Hoa đã khuynh đảo thị trường văn chương chữ nghĩa trong giai đoạn đầu hiện đại hóa khi sáng tác chưa đáp ứng được nhu cầu độc giả. Bên cạnh những tác phẩm thuộc hàng danh tác không hiếm những cuốn có nội dung không lành mạnh, chứa nhiều điều mê tín dị đoan. Trước tình trạng nhiều người Việt thông thạo lịch sử Trung Hoa hơn lịch sử Việt, các nhà văn thấy nhất thiết phải hành động. Các nhà văn Nam Kỳ như Tân Dân Tử, Phạm Minh Kiên, Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Chánh Sắt bắt đầu chú ý đến đề tài lịch sử với niềm tin tiểu

thuyết lịch sử chính là một phương tiện hữu hiệu để phổ biến lịch sử nước nhà. Xu hướng tìm về với truyền thống dân tộc, ý thức dân tộc trỗi dậy với khát khao muốn chứng minh rằng người Việt không hề thua kém người Trung Hoa đã khích lệ nhà văn sáng tác tiểu thuyết lịch sử. Điều này đã được các nhà văn nói đến ở lời nói đầu của các bộ tiểu thuyết lịch sử của họ. Hồ Biểu Chánh khi viết cho rằng: “Trung Hoa có sử rồi có truyện nữa. Việt Nam cũng có sử, há lại không có truyện hay sao?” (Lời tựa *Nặng gánh cang thường*). Phạm Minh Kiên cũng tự hào: “Lý Thường Kiệt là một danh tướng nước ta trong đời Lý, khi đánh Chiêm Thành, khi chinh nam phạt bắc, chống vững sơn hà, dẹp loạn phù nguy, vun bồi tổ quốc. Cái công nghiệp của Lý Thường Kiệt có kém gì Dịch Thanh đời Tống, Nhơn Quý đời Đường, Quan Công đời Hán bên Trung Quốc” (Lời tựa cuốn *Việt Nam Lý Trung hưng*). Hay ý thức chống lại sự ảnh hưởng của các tiểu thuyết mang nội dung mê tín dị đoan đã được Trương Duy Toàn phát biểu nơi tác phẩm *Phan yên ngoại sử* xuất bản năm 1910, khi phong trào dịch thuật tiểu thuyết Trung Hoa đã lớn mạnh: “Theo trí mọn của tôi nay phải bỏ những Lê Huê pháp thuật, Kim Đỉnh thần thông, Khương Thượng phong thần, Thế Hùng tróc quỷ, Chung Ly lập trận, Bồ Tát cứu binh, Đại Thánh loạn thiên cung, Đấng Anh về tiên cảnh... mà sắp bày một chuyện chi mới, bây giờ mặc dầu miễn là cho lánh khỏi cái néo dị đoan và báo ứng phân minh thì đủ rồi”. Tân Dân Tử, cây bút chuyên về tiểu thuyết lịch sử cũng đã chỉ ra hiện trạng thông thuộc lịch sử Trung Hoa mà

xa rời quốc sử: “Thử hỏi: Trương Lương, Hàn Tín, Hạng Võ, Tiêu Hà thì sự tích lâu thông; còn hỏi lại ai là anh hùng hào kiệt trong nước ta thì ngần ngại chẳng biết” (Lời tựa *Giọt máu chung tình*). Phạm Minh Kiên cũng chia sẻ: “Các đảng vĩ nhân tiền bối bị mai một là do mấy ông văn sĩ cựu học ơ hờ không để ý đến mà diễn dịch ra truyện sách cho người mình xưng tụng, để mua các thứ truyện Tàu về xem rồi xúm nhau khen ngợi; vì vậy bây giờ phần nhiều người mình hỏi đến các ông danh giá của Tàu thì lâu thông mà hỏi qua các bậc vĩ nhân trong nước thì ngần ngại không biết. Thật là một việc đáng buồn” (tựa *Việt Nam Lý Trung hưng*). Các nhà văn đã lên tiếng nhắc nhở ý thức và trách nhiệm của những người làm văn hóa (dịch giả) và số đông độc giả đối với lịch sử dân tộc, đồng thời chống lại các cuốn tiểu thuyết không có lợi cho đường tiến hóa của dân tộc.

Trào lưu sáng tác tiểu thuyết lịch sử ở Nam Kỳ hẳn không chỉ có một nguyên do chính từ sự phản ứng lại làn sóng phiên dịch tiểu thuyết Trung Hoa mà xuất phát từ nhu cầu bức thiết của đời sống. Chính ngọn gió duy tân (ở Nam Kỳ là phong trào Minh Tân) với chủ trương “nâng dân trí” và “chấn dân khí”, rồi không khí của các cuộc đấu tranh chính trị sôi động đã giúp những người cầm bút nói lên khát vọng của dân tộc, khát vọng tìm lại “hồn nước” từng được giới sĩ phu cất lên thống thiết đầu thế kỷ XX. Chưa bao giờ ý thức dân tộc, tinh thần dân tộc lại được nhắc nhiều như thế trong văn chương. Tái hiện quá khứ với cảm thức và cảm xúc của con người thời đại mới với mục đích

cuối cùng là áp ủ tinh thần yêu nước, khích lệ lòng tự hào dân tộc chi phối ngòi bút của các tác giả viết tiểu thuyết lịch sử.

Nếu làm một phép so sánh giữa tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa được phiên dịch và những sáng tác của các nhà văn Nam Kỳ chúng ta sẽ nhận thấy một sự chênh lệch rất lớn. Trong lúc tiểu thuyết dịch là bức tranh đầy màu sắc với hàng trăm bộ thì tác phẩm sáng tác hết sức khiêm tốn (khoảng 14 bộ). Nhưng các sáng tác là thành quả của văn học Việt Nam trên quá trình cách tân hiện đại hóa. Nó thuộc về giai đoạn quan trọng của quy luật vận động từ phiên dịch, phóng tác đến sáng tác thực thụ. Những tác phẩm sẽ góp phần hoàn thiện bức tranh văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX: *Việt Nam Lê Thái Tổ* - 1929 của Nguyễn Chánh Sắt; *Nam cực tinh huy* - 1924, *Nặng gánh cang thường, Chương hậu quân Võ Tánh* - 1926 của Hồ Biểu Chánh; *Tiểu anh hùng Võ Kiệt* - 1926 của Phú Đức; *Giọt máu chung tình* - 1925, *Gia Long tẩu quốc* - 1930, *Gia Long phục quốc* - 1932, *Hoàng tử Cảnh như Tây* - 1931 của Tân Dân Tử; *Việt Nam anh kiệt* - 1927, *Việt Nam Lý Trung hưng* - 1929, *Lê Triều Lý thị* - 1931, *Tiền Lê vận mạt* - 1932, *Trần Hưng Đạo* - 1933 của Phạm Minh Kiên. Các tác phẩm ra đời nhận được sự chào đón nồng nhiệt của độc giả chứng tỏ nhu cầu biết lịch sử dân tộc của một bộ phận không nhỏ nhân dân Nam Kỳ mà các nhà làm sử lúc đó chưa đáp ứng được. Cùng một thời đoạn, tiểu thuyết lịch sử ở Bắc Kỳ cũng có nhiều thành tựu, có thể kể *Chuyện Đức Thánh Trần* của Nguyễn Nhật Quang, *Ngọn cờ vàng* của Đình Gia Thuyết, *Tiếng sấm*

đêm đông - 1928, *Vua bà Triệu Âu* - 1929, *Hai bà đánh giặc* - 1929, *Việt Thanh chiến sử* - 1929, *Trần Nguyên chiến kỷ* - 1932 của Nguyễn Tử Siêu (1887-1965). Nguyễn Tử Siêu là cây bút chuyên chú vào đề tài lịch sử giống Tân Dân Tử trong Nam.

Trong số tác giả viết tiểu thuyết lịch sử ở Nam Kỳ hồi đầu thế kỷ XX chỉ có Nguyễn Chánh Sắt (1869-1947) vừa là nhà văn vừa là dịch giả tiểu thuyết Trung Hoa, còn các nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử khác không tham gia phong trào dịch thuật. Khi phong trào dịch thuật trở nên ồ ạt, mất phương hướng, vào giữa thập niên hai mươi thì các nhà văn như Hồ Biểu Chánh (1885-1958), Phú Đức (1901-1970), Phạm Minh Kiên (?-?), Tân Dân Tử (1875-1955) mới quay sang viết tiểu thuyết lấy đề tài từ lịch sử Việt Nam. Việc phản ứng lại phong trào dịch thuật để rồi đi đến sáng tác, thực chất các nhà văn Nam Kỳ chỉ mới dừng lại ở mức nhận ra những tác động và hạn chế về mặt nội dung của tiểu thuyết dịch góp phần rất lớn làm cho độc giả Việt thông thuộc lịch sử Trung Hoa mà quên lịch sử nước nhà, chứ chưa có ý thức phủ định về mặt cấu trúc thể loại một cách triệt để. Nhà văn không có ý thức (hoặc chưa có khả năng) phá tung thể loại và tái cấu trúc nó cho phù hợp với hoàn cảnh mới mà sử dụng lại hình thức cũ : hình thức chương hồi. Tuy vậy, trong ý thức về thể loại, trên phương diện lý thuyết nhà văn đã bắt đầu chạm tới một số vấn đề cơ bản của lý luận tiểu thuyết hiện đại mà chắc chắn là có ảnh hưởng đến quá trình sáng tác của họ. Khi bàn về thể loại tiểu thuyết lịch sử, Tân Dân Tử đã đi từ sự phân biệt giữa

lịch sử và lịch sử tiểu thuyết, nhấn mạnh tính chất “đời tư” của nhân vật, quyền năng hư cấu trên sự thật lịch sử của nhà văn “Lịch sử đại lược chỉ nói tóm tắt những sự lớn lao mà không nói cặn kẽ những sự mây mù. Còn lịch sử tiểu thuyết thì nói đủ cả, vừa chuyện lớn lao vừa chuyện mây mù, đều trảng ra như một cảnh vật tự nhiên hiển hiện trước mắt. Lịch sử đại lược có nói nhơn vật sơn xuyên, quốc gia hưng phế mà không tả trạng mạo ngữ ngôn, không tả tánh tình phong cảnh. Còn lịch sử tiểu thuyết thì tả đủ các nhơn vật sơn xuyên, tánh tình ngôn ngữ, tả tới hi, nộ, ái, ố, trí não tinh thần, tả tới phong cảnh cỏ hoa, cửa nhà đài các, nhành chim lá gió, nhạc suối kèn ve, làm cho độc giả ngồi xem quyển sách, miệng đọc câu văn mà tưởng mình đã hóa thân đi du lịch một phong cảnh nào kia, xem thấy một nhơn vật nào đó, khiến cho kẻ đọc ấy dễ cảm xúc vào lòng, dễ cảm xúc vào trí” (tựa *Gia Long tẩu quốc*). Từ những nhận thức về thể loại, các nhà văn sáng tác nên những tác phẩm không dừng ở mức độ “giảng sử” mà tiến lên một trình độ nghệ thuật hư cấu nhất định.

Giọt máu chung tình của Tân Dân Tử xuất bản năm 1925, cùng thời điểm với cuốn *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách ở đất Bắc, là cuốn tiểu thuyết lịch sử lãng mạn miêu tả tình yêu của đôi trai tài gái sắc Võ Đông Sơ và Bạch Thu Hà. Cuốn tiểu thuyết thiên về hướng “đã sử”, lịch sử chỉ là “cái đỉnh để nhà văn treo bức bích họa”. Sau những thành công vang dội của *Giọt máu chung tình*, Tân Dân Tử viết tiếp bộ ba tác phẩm về vua Gia Long như *Gia Long tẩu quốc*, *Gia Long phục quốc*, *Hoàng tử Cảnh như*

Tây. Tính cho đến hôm nay, Tân Dân Tử là tác giả viết tiểu thuyết lịch sử về vua Gia Long với số trang đồ sộ và trọn vẹn nhất. Bộ ba tác phẩm liên hoàn tái dựng lại cuộc đời bồn tẩu của vua Gia Long để khôi phục lại vương triều Nguyễn. Đó là cuộc giằng co giữa hai lực lượng Tây Sơn (ba anh em Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ) với lực lượng Nguyễn Ánh trên một không gian rộng lớn và thời gian tương đối dài, với một thế giới nhân vật đông đảo. Có nhân vật có thật trong lịch sử, đồng thời cũng có những nhân vật do nhà văn hư cấu, tô đặt. Không gian rộng lớn từ thành Thăng Long cho đến đảo Phú Quốc rồi qua các nước Cao Miên, Xiêm La. Thời gian kéo dài gần một phần ba thế kỷ. Trong bối cảnh lịch sử Việt Nam thời thuộc Pháp, Gia Long là một hình ảnh gây rất nhiều xúc động cho công chúng Nam Kỳ.

Theo đuổi đề tài lịch sử, Phạm Minh Kiên cũng đã sáng tác những tác phẩm đặc sắc. *Việt Nam Lý Trung hưng* tập trung ca ngợi người anh hùng Lý Thường Kiệt. *Lê Triều Lý thị* và *Tiền Lê vận mạt* viết về sự tích vị vua mở đầu vương triều Lý là Lý Công Uẩn từ thuở ấu thời cho đến lúc ngài lên ngôi trị vì đất nước. *Trần Hưng Đạo* lại lấy cảm hứng từ cuộc kháng chiến của nhân dân đời Trần chống lại quân Nguyên Mông với hình tượng chính và linh hồn của cuộc kháng chiến là Trần Hưng Đạo. Nếu như Tân Dân Tử chuyên chú vào giai đoạn lịch sử gắn liền với nhà Nguyễn thời cận đại thì Phạm Minh Kiên lại chuyên chú vào giai đoạn trước đó.

Cuốn *Việt Nam Lê Thái Tổ* của Nguyễn Chánh Sắt kể lại công cuộc dựng nghiệp của

người anh hùng Lê Lợi từ khi dấy binh ở Lam Sơn cho đến khi đánh lui giặc Minh.

Trong tâm thế chống lại sự bành trướng của tiểu thuyết Trung Hoa, các nhà văn Nam Kỳ chủ yếu chống lại sự ảnh hưởng của nội dung đối với độc giả chứ không chống về mặt hình thức thể loại. Do đó, trong sáng tác họ chủ yếu xây dựng nội dung thuần túy là sự kiện và con người lịch sử Việt Nam, chứ về mặt hình thức thể loại thì tiếp thu một cách tự nhiên. Hình thức chương hồi phân đoạn là đặc trưng nổi bật của tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa được các nhà văn Nam Kỳ mượn lại. Hay các thủ pháp nghệ thuật khác như cách xây dựng đường dây phát triển của câu chuyện và tuyến sự kiện theo thời gian tuyến tính, cách miêu tả nhân vật thông qua giới thiệu ngoại hình, hành động, ngôn ngữ theo lối biền ngẫu và kết thúc thường có hậu. Việc nhà văn sử dụng lại hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa sẽ có những ưu thế nhất định. Trong lúc độc giả đang say mê tiểu thuyết Trung Hoa thì sử dụng lại thủ pháp nghệ thuật của nó là hợp lý, phù hợp với tầm đón đợi của độc giả, nhà văn cũng có kinh nghiệm thể loại.

Nói như vậy không có nghĩa là nhà văn Nam Kỳ học tập một cách máy móc hình thức tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa mà đã có những tìm tòi cách tân. Trong nhiều bộ tiểu thuyết, nhân vật lịch sử đã trút được chiếc áo phi thường và khoác vào chiếc áo đời tư, nhân vật đã biết đến những dòng hồi ức, suy tư, trăn trở. Nhiều nhân vật không có thật trong lịch sử được nhà văn hư cấu tạo nên tính chất đời thường cho câu chuyện. Nhiều cuốn tiểu thuyết hướng đến kết thúc không có hậu.

Phong trào phiên dịch tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa đã có tác động lớn đối với quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX. Chính hoạt động phiên dịch đã có tác động đến hoạt động sáng tác của các nhà văn ở Nam Kỳ. Ngày nay, trước sự lấn át của phim truyền hình lịch sử Trung Quốc, những nhà làm phim của chúng ta sẽ làm gì? Sự lựa chọn của nhiều nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử ở Nam Kỳ nhằm phản ứng lại trào lưu phiên dịch tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa vẫn còn có giá trị thời sự và là bài học cho quá trình hiện đại hóa văn học và hiện đại hóa đất nước hôm nay.

CHINESE HISTORICAL NOVELS AND VIETNAMESE HISTORICAL NOVELS IN THE SOUTH OF VIET NAM AT THE BEGINNING OF THE 20th CENTURY

Phan Manh Hung

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *At the beginning of the 20th century, novel translation from foreign languages into the national language has played a constructively role in the modernization process of local literature*

in Viet nam and other Asian countries as well. In the south of Viet nam, the movement of translation of Chinese historical novels has ebulliently occurred, and has influenced the composing tendency of local historical novels – one of the most outstanding trends of southern literature at that time. We have studied on the conversional Meclanism, the exchanges and interactions and the influence of translating activities of Chinese historical novels on compasing activities of Vietnamese historical novels, especially the literature of the southern of Vietnam in the early years of the 20th century.

Keywords: history novel, historical and cultural translation studies, modernizing.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Nam, *Phiên dịch học lịch sử - văn hóa trường hợp Truyền kỳ mạn lục*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, (2002), tr.37.
- [2]. Susan Bassnett, *Dịch thể loại*, bản dịch Việt ngữ do Lê Nguyên Long và Phạm Quốc Lộc dịch, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, Hà Nội, số 12, (2009).
- [3]. Bản dịch tiếng Việt: *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc ở Châu Á (từ thế kỷ XVII - thế kỷ XX)*, (Trần Hải Yến dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, (2004).
- [4]. Itamar Evan-Zohar, The position of translated literature within the literary polysystem, *Papers in historical poetics*, Tel Aviv, (1978).
- [5]. Nhan Bảo, *Ảnh hưởng của tiểu thuyết Trung Quốc đối với văn học Việt Nam*, trong *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc ở Châu Á (từ thế kỷ XVII-thế kỷ XX)*, Claudine Salmon biên soạn, sđd; Bằng Giang: *Thư mục văn học (Sài Gòn và Nam Bộ từ 1866 đến 1930)*, mục *Truyện Tàu*, trong sách *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, tập II, sđd.
- [6]. Nguyễn Văn Xuân, *Khi những lưu dân trở lại*, in trong *Tuyển tập Nguyễn Văn Xuân*, NXB Đà Nẵng, (2002), tr.543.